



PRICE LIST 2014





PRICE LIST 2014

CT - 10G 8,000 Cầu chì sứ 10 x 38 Fuse 保險絲 600V 2,4,6,10 A 	CT - FB101LA 36,000 Đế cầu chì sứ có đèn 10 x 38 保險絲座附燈 690V 32 A 	CT - 00 100,000 Cầu chì sứ HRC HRC Fuse 保險絲 500V 40 , 63A 80 , 100A 125 , 160A 	CT - 00FB 100,000 Đế cầu chì HRC HRC 保險絲座 690V 160A 
CT - 00 250,000 Cầu chì sứ HRC HRC Fuse 保險絲 500V 200A,250A 	CT - 00FB 380,000 Đế cầu chì HRC HRC 保險絲座 500V 250A 	CT - PHP00-3 450,000 Dụng cụ tháo lắp cầu chì HRC 保險絲抽取器 	CT-TH-□ 180,000 Công tắc nhiệt 液脹式溫控器 0 ~ 60℃ 0 ~ 80℃ 30 ~ 120℃ 50 ~ 300℃ 
CT - MS290P - □ 500,000 Còi hú 馬達警報器 - 24 : 24V DC - 2 : 220V AC 	CT - MS190 - □ 300,000 Còi hú 馬達警報器 - 24 : 24V DC - 2 : 220V AC 	CT - HP80 - □ 125,000 Còi hú 蜂鳴器 BUZZER - 24 : 24V DC - 1 : 110V AC - 2 : 220V AC 	CT - HN80 - □ 125,000 Còi hú 蜂鳴器 BUZZER - 24 : 24V DC - 1 : 110V AC - 2 : 220V AC 
CT-BZ-2 92,000 Còi hú Φ22~25 (đen) 22~25Φ 蜂鳴器 -黑色 -無燈 24VDC 110VAC 220VAC 	CT-BZ-N-2 98,000 Còi hú có đèn Φ22~25 (đỏ) 22~25Φ 蜂鳴器 -紅色 -附燈 24VDC 110VAC 220VAC 	CT-SFM-PS52 100,000 Còi hú Φ25 25Φ 蜂鳴器 BUZZER 24VDC 110VAC 220VAC 	CT-SFM-PS50 100,000 Còi hú Φ30 30Φ 蜂鳴器 BUZZER 24VDC 110VAC 220VAC 
CT-BOX1 40,000 Hộp Box 1 lỗ 塑膠按鈕盒 1孔 	CT-BOX2 45,000 Hộp Box 2 lỗ 塑膠按鈕盒 2孔 	CT-BOX3 60,000 Hộp Box 3 lỗ 塑膠按鈕盒 3孔 	CT-35-24 450,000 Bộ nguồn 35W 電源供應器 35W OUTPUT : 24V , 1.5A 
CT-50-24 500,000 Bộ nguồn 50W 電源供應器 50W OUTPUT : 24V , 2.1A 	CT-100-24 600,000 Bộ nguồn 100W 電源供應器 100W OUTPUT : 24V , 4.5A 	CT-150-24 1,060,000 Bộ nguồn 150W 電源供應器 150W OUTPUT : 24V , 6.5A 	CT-350-24 1,520,000 Bộ nguồn 350W 電源供應器 350W OUTPUT : 24V , 12.5A 
COB-61 135,000 Nút nhấn cần cầu 吊車開關 間接式二點 5A 	COB-62 225,000 Nút nhấn cần cầu 吊車開關 間接式四點 5A 	COB-63 290,000 Nút nhấn cần cầu 吊車開關 間接式六點 5A 	COB-213 340,000 Nút nhấn cần cầu (trực tiếp) 吊車開關 直接式二點 15A 



PRICE LIST 2014

VS 3Φ3W AS 3Φ3W	142,000	VS 3Φ4W AS 3Φ4W	180,000	SB-602 23,000	PM-20 8,800	B3 33,000	TB-35N 500,000
Công tắc chuyển mạch 3Φ3W 電壓 / 電流選擇開關		Công tắc chuyển mạch 3Φ4W 電壓 / 電流選擇開關		Cầu dao an toàn 安全開關		Nút bấm cửa cuốn 鐵捲門押扣	
JTA - 10A JTA - 20A	3,200 3,800	JTA - 30A ENDCOVER	4,500 4,500	JL - 002 JL - 003	450,000 640,000	JTC 3P 60A JTC 4P 60A	40,000 56,000
Domino tép 組合式端子台(外卡)		Domino tép 組合式端子台 擋片		Tủ điện ABS 明盒 - IP65 JL-002 : 210W*250L*160H JL-003 : 264W*300L*181H		Domino 固定式端子台 3P/4P 60A (明装/內卡/外卡通用)	
1P 10A 1P 20A 1P30A							
EL - 130 EL - 180AB EL - 210 EL - 270AB EL - 295AB EL - 409AB	70,000 37,000 49,000 90,000 118,000 155,000	4 rãnh 10mm A:3 rãnh 6mm , B : 3 rãnh 10mm 3 rãnh 10mm 3x3 rãnh 5mm & 2x3 rãnh 11mm 4 rãnh 6mm & 4 rãnh 11mm 2x4 rãnh 11mm		PD-3 PD-4	34,000 44,000	RD-40 RD-50 RD-70	60,000 68,000 85,000
Sứ đỡ thanh đồng		SF-101 SF-102 SF-103 SF101A		Nẹp điện 電話線槽		Nẹp vòng cung 半圓型線槽	
Đế cầu chì kiếng 1P /2P /3P 臥式保險絲座		配件		Băng keo chống nước 防水膠帶		Băng keo trung thế 高壓膠帶	

* Ống thép luồn dây điện mềm nhúng nóng 金屬軟管				* Ống thép luồn dây điện mềm có vỏ bọc nhựa PVC PVC披覆金屬軟管			
1/2" (50M/Cuộn卷) ID 16	15,000/M			1/2" (50M/Cuộn卷) ID 16	19,000/M		
3/4" (50M/Cuộn卷) ID 20.7	18,000/M			3/4" (50M/Cuộn卷) ID 20.7	26,000/M		
1" (50M/Cuộn卷) ID 26.4	24,000/M			1" (50M/Cuộn卷) ID 26.4	35,000/M		
1-1/4" (25M/Cuộn卷) ID 34.7	35,000/M			1-1/4" (25M/Cuộn卷) ID 34.7	63,000/M		
1-1/2" (25M/Cuộn卷) ID 40	45,000/M			1-1/2" (25M/Cuộn卷) ID 40	76,000/M		

* Đầu nối ống luồn dây điện 盒接口 / 管接口							
Kiểu DPJB 1/2"	21,000			Kiểu DGJ 1/2"	29,000		
Kiểu DPJB 3/4"	27,000			Kiểu DGJ 3/4"	35,000		
Kiểu DPJB 1"	43,000			Kiểu DGJ 1"	58,000		
Kiểu DPJB 1-1/4"	62,000			Kiểu DGJ 1-1/4"	78,000		
Kiểu DPJB 1-1/2"	82,000			Kiểu DGJ 1-1/2"	98,000		

* Tủ điện ABS 明盒 - IP65		
300-400	1,600,000	300W x 400L x 180H
230-300	1,000,000	230W x 300L x 180H
160-230	480,000	160W x 230L x 100H
160-230H	510,000	160W x 130L x 140H
100-190	280,000	100W x 190L x 85H
100-190H	320,000	100W x 190L x 125H
DS-PG-10P	280,000	75W x 110L x 40H
1522B	230,000	150W x 220L x 100H



▼ ĐÈN BÁO 指示燈

NPLR-25 22,000	NPLR-30 22,000	NPLS-25 22,000	PLNA-25 30,000	PLN-30 31,000	XPL - 22 20,000
					
PLR-25 (220VAC) 42,000	PLR-30 (220VAC) 45,000	PLS-25 48,000	PLS-30 50,000	PLB-30 (220VAC) 80,000	SNPL-22 20,000
					

▼ NÚT NHẤN ĐẦU BẰNG 平頭按鈕

PB 25-1a 20,000	PB 25-1b 20,000	PB 25-1a1b 26,000	PB 30-1a 21,000	PB 30-1b 21,000	PB 30-1a1b 27,000
					
PBF25-1b 33,000	PBF25-1a1b 46,000	PBF30-1b 36,000	PBF30-1a1b 49,000	DPB25-1a1b 55,000	DPB30-1a1b 76,000
					

▼ NÚT NHẤN ĐẦU LÒI 凸頭按鈕

PBL25 -1a 22,000	PBL25 -1b 22,000	PBL -251a1b 28,000	PBL30 -1a 23,000	PBL30 -1b 23,000	PBL -301a1b 30,000
					
PBL25 -1/O 34,000	PBL25 -1O/C 46,000	PBL30-1/C 51,000	PBL30-1O/C 55,000		
					

▼ NÚT NHẤN ĐẦU DÙ 大頭按鈕

EPB25-1a 25,000	EPB30-1a 26,000	EB25-1a 35,000	EB25 -1a1b 48,000	EB30-1a 42,000	EB30-1a1b 55,000
					

▼ NÚT NHẤN KHẨN CẤP 緊急按鈕

LEPB25-1b 43,000	LEPB30-1b 52,000	LEB25 -1b 51,000	LEB25-1a1b 64,000	LEB30-1b 55,000	LEB30-1a1b 67,000
					

▼ NÚT NHẤN CÓ ĐÈN 照光式按鈕

LPBN25-1a 50,000	LPBN25-1b 50,000	LPBN251a1b 56,000	LPBN30-1a 53,000	LPBN30-1b 53,000	LPBN301a1b 60,000
					
LBF25 -1a 52,000	LBF25-1a1b 65,000	LBL30-1a 58,000	LBL30-1a1b 71,000	DPB22N-1a1b 73,000	DPB30N-1a1b 76,000
					

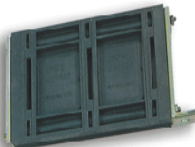


▼ CÔNG TẮC XOAY 選擇開關

SS25-1a 29,000	SS25-1b 29,000	SS2512(1a1b) 36,000	LSS25-1a 30,000	LSS25-1b 30,000	LSS2512(1a1b) 38,000
					
SS30-1a 30,000	SS30-1b 30,000	SS3012(1a1b) 37,000	LSS30-1a 32,000	LSS30-1b 32,000	LSS3012(1a1b) 40,000
					
CS25-1a 38,000	CS25-1a1b 51,000	CS25-2b 51,000	LCS25-1a 38,000	LCS25-1a1b 51,000	LCS25-2a 51,000
					
CS30-1a 43,600	CS30-1a1b 56,000	CS30-2a 56,000	LCS30-1a 43,600	LCS30-1a1b 56,000	LCS30-2a 56,000
					
BL-100 173,000	BL-100A 173,000	FS-1(1M) 98,000	FS-1(2M) 108,000	FS-2(1M) 93,000	FS-2(2M) 103,000
					
FS-3(1M)(a) 150,000	FS-3(2M)(a) 162,000	FS-3 (1M) (b) 190,000	FS-3 (2M)(b) 200,000	FS- 4 (1a1b) 432,000	FS- 4 (2a2b) 496,000
					
TB 3P-15A 10,000	TB 4P-15A 12,000	TB 6P-15A 14,800	TB 12P-15A 26,000	FS-10N (1P10A) 17,000	FS-520/630 7,000
					
TB 3P-25A 11,000	TB 4P-25A 12,700	TB 6P-25A 15,600	TB 12P-25A 29,000	E-16 47,000	FU-16 13,000
					
TB-60A 1P:12,000	TB-100A 1P: 28,000	TB-150A 1P: 49,000	TB-200A 1P: 80,000	TB-300A 1P: 123,000	TB-400A 1P: 145,000
					
ES 1P: 4,000	PE- 4 25,500	ATB-2.5(20A) 5,800	ATB-4(30A) 6,000	ATB-6(40A) 7,800	ATB-10(60A) 12,500
					
A100(12.24V) 200,000	A100(110.220V) 220,000	A130(12.24V) 230,000	A130(110.220V) 250,000	A180(12.24V) 400,000	A180(110.220V) 460,000
					

AB301-1-1	135,000	AB301-2-1	120,000	AB301-3-1	82,000	AB102-1-1	186,000
							
AB303-2	70,000	A19-1	61,000	A19-2	60,000	A45-1-1	82,000
							
A2055	82,000	MS-A-402	30,000	MS101-1-1	110,000		
							
MS104c	190,000	MS104	193,000	MS306	178,000	MS306-1-1	180,000
				(Lò xo) 			
MS306-2-1	123,000	MS308-1	180,000	MS308-2	120,000	MS308-3	66,000
				màu xám 		Trắng Sáng 	
MS402-2	18,000	MS403-1	34,000	MS406	34,000	MS408-1-1	64,000
							
MS408-2-1	49,000	MS408-3-1	46,000	MS414	55,000		
							
MS480-1-1	150,000	MS480-2-1	100,000	MS501-2-1	70,000	MS502	95,000
							
MS503	44,000	MS504-1-2	72,000	MS507-1-1	85,000	MS507-2-2	45,000
		Trắng / Đen 					

MS511	74,000	MS603 (Bấm đỏ)	38,000	MS603 (Bấm trắng)	38,000	MS 603	38,000
							
MS 603	38,000	MS702	45,000	MS705-2S	40,000	MS705-2	33,000
							
MS705-3	27,500	MS711-1-1	55,000	MS711-3-1	42,000	MS715-5	37,000
							
MS717	53,000	MS718	55,000	MS722	40,000	MS726	Call
							
MS731-1-1	60,000	MS817-4	62,000	MS733-2-1	20,000		
							
HL003-1	27,000	HL003-2	22,000	HL004-2	33,000	HL005	30,000
							
HL006L-1	57,000	HL006L-2	58,000	HL008	58,000	HL009	42,000
							
HL011-1	52,000	HL012	38,000	HL015	38,000	HL017-2	33,000
							
HL018	32,000	HL021	50,000	HL022	66,000	HL025-1	44,000
							

HL025-2	32,000	HL029-1	72,000	HL032	33,000	HL033-2	42,000
							
HL035	13,000	HL036-1	30,000	HL036-2	30,000	HL037	18,000
							
HL038	73,000	HL044.3 / 9	38,000	HL048	32,000	HL050-1	70,000
		 Đen / Xanh dương					
HL050-2	48,000	HL050-3	48,000	HL051-1	57,000	HL051-2	55,000
							
HL051-3	40,000	HL055-1	65,000	HL055-2	Call	HL068-1	40,000
							
HL068-2	35,000	HL070	40,000	ZMJ-1	136,000	ZMJ-2	166,000
							
MS825-2-1	154,000	LG1	Call	LG2	58,000	LG3	58,000
				 (L=1000mm)		 (L=1000mm)	
RG03-1	5,000	ST-01	140,000	DH-M24	34,000		
				DH-M16	25,000		
				DH-M12	15,000		
				DH-M10	12,500		
				DH-M8	12,000		
MS732-1-1	175,000	MS732-2-1	162,000	MS741-1-1	206,000	MS825-1-1	162,500
							

ĐÈN PHA METAL 150W DP002	650,000
* Choá đèn pha 150W IP 65 APOLO R7S * Tầng phô metal 150W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 150W R7S * Kích đèn 220V - 240V	
	

ĐÈN PHA METAL 150W DP003	650,000
* Choá đèn pha 150W IP 65 PHA VUÔNG R7S * Tầng phô metal 150W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 150W R7S * Kích đèn 220V - 240V	
	

ĐÈN PHA METAL 150W DP001	680,000
* Choá đèn pha 150W IP 65 PHA BẦU (E27) * Tầng phô metal 150W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 150W E27 * Kích đèn 220V - 240V	
	

ĐÈN PHA METAL 150W DP001	680,000
* Choá đèn pha 150W IP 65 (R7S) * Tầng phô metal 150W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 150W R7S * Kích đèn 220V - 240V	
	

ĐÈN PHA METAL 250W DP004	950,000
* Choá đèn pha 250W IP 65 * Tầng phô metal 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 250W * Kích đèn 220V - 240V * Tu bù 20μf	
	

ĐÈN PHA METAL 250W DP005	1,150,000
* Choá đèn pha 250W IP 65 2 NGẮN * Tầng phô metal 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 250W * Kích đèn 220V - 240V * Tu bù 20μf	
	

ĐÈN PHA METAL 400W DP004	1,250,000
* Choá đèn pha 400W IP 65 * Tầng phô metal 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 400W * Kích đèn 220V - 240V * Tu bù 30μf	
	

ĐÈN PHA METAL 400W DP005	1,300,000
* Choá đèn pha 400W IP 65 * Tầng phô metal 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 400W * Kích đèn 220V - 240V * Tu bù 30μf	
	

ĐÈN CHỐNG NỔ 150W	1,250,000
* Choá đèn chống nổ * Tầng phô metal 150W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 150W * Kích đèn 220V - 240V * Hộp đựng tăng	
	

ĐÈN PHA METAL 1000W DP006	4,700,000
* Choá đèn pha 1000W IP 65 * Tầng phô metal 1000W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 1000W * Kích đèn 220V - 240V * Tu bù	
	

ĐÈN PHA METAL TRÒN 1000 W	5,800,000
* Choá đèn pha tròn metal 1000W IP 65 * Tầng phô metal 8.25A * Bóng đèn metal 1000W * Kích đèn metal 50\60Hz * Tu bù 30μf + 50μf	
	

ĐÈN PHA METANL SÂN TENNIS 1000W	8,200,000
* Choá đèn pha metal 1000W IP 65 * Tầng phô metal 8.25A * TRIDONIC ATCO MALAYSIA * Kích đèn metal 50\60Hz * Tụ bù 30μf + 50μf * Bóng đèn metal 1000W GE HUNGARY	
	

ĐÈN PHA METANL SÂN TENNIS 1000W	5,200,000
* Choá đèn pha metal 1000W IP 65 * Tầng phô metal 8.25A CHINA * Bóng đèn metal 1000W CHINA * Kích đèn metal 50\60Hz CHINA * Tu bù 30μf + 50μf CHINA	
	

ĐÈN ĐƯỜNG SODIUM 150W DDG150	1,600,000
* Choá đèn kiểu GE 250W IP 65 * Tầng phô 150W 220V/50/60Hz * Bóng đèn sodium 150W * Kích đèn 220V/50/60Hz * Tu bù 20μf	
	

ĐÈN ĐƯỜNG SODIUM 250W DDG250/400	1,700,000
* Choá đèn kiểu GE 250W IP 65 * Tầng phô 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn sodium 250W * Kích đèn 220V/50/60Hz * Tu bù 30μf	
	

ĐÈN ĐƯỜNG SODIUM 400W DDG250/400	1,980,000
* Choá đèn kiểu GE 250W IP 65 * Tầng phô 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn sodium 400W * Kích đèn 220V/50/60Hz * Tu bù 30μf	
	

ĐÈN CHỐNG NỔ 250W	1,900,000
ĐÈN CHỐNG NỔ 400W	3,050,000
ĐÈN CHỐNG NỔ 1M2 ĐƠN	1,200,000
ĐÈN CHỐNG NỔ 1M2 ĐÔI	1,400,000
	

ĐÈN ĐƯỜNG DDO150/250 SODIUM KIỂU ONYX 150W * Choá đèn kiểu ONYX 150W IP 65 * Tăng phô 150W 220V/50/60Hz * Bóng đèn sodium 150w * Kích đèn 220V/50/60Hz * Tu bù 20μf	1,200,000 
---	---

ĐÈN ĐƯỜNG DDO150/250 SODIUM KIỂU ONYXSS 250W * Choá đèn kiểu Onyx 250W IP 65 * Tăng phô 250W 220V/50/60HZ * Bóng đèn sodium 250W * Kích đèn 220V/50/60Hz * Tu bù 30μf	1,650,000 
---	---

ĐÈN ĐƯỜNG DDO150/250 SODIUM KIỂU ONYXSS 400W * Choá đèn kiểu Onyx 250W IP 65 * Tăng phô 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn sodium 400W * Kích đèn 220V/50/60Hz * Tu bù 30μf	2,050,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG MERCURY 250W DXT008 * Choá đèn xường tổ ong * Tăng phô 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn Mercury 250W (OSRAM) * Tụ bù 20μf * Hộp đựng tăng phô	650,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG MERCURY 250W DXB007 * Choá đèn xường bông cúc * Tăng phô 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn Mercury 250W (OSRAM) * Tụ bù 20μf * Hộp đựng tăng phô	650,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG METAL 250W DXT008 * Choá đèn xường tổ ong * Tăng phô 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn Metal 250W * Tụ bù 20μf * Hộp đựng tăng phô * Kích đèn	800,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG KIỂU BA NGẮN 400W DXN009 * Choá đèn xường kiểu ba ngắn. (Kính chịu nhiệt) * Tăng phô 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 400W (ánh sáng trắng) * Kích đèn 220V-240V 50/60Hz * Tụ bù 30μf * Hộp đựng tăng phô	1,500,000 
--	---

ĐÈN XƯỜNG METAL 250W DXB007 * Choá đèn xường bông cúc * Tăng phô 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn Metal 250W * Tụ bù 20μf * Hộp đựng tăng phô * Kích đèn	800,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG METAL 400W DXT008 * Choá đèn xường tổ ong * Tăng phô 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 400W * Kích đèn 220V-240V 50/60Hz * Tụ bù 30μf * Hộp đựng tăng phô	965,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG METAL 400W DXB007 * Choá đèn xường bông cúc * Tăng phô 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 400W * Kích đèn 220V-240V 50/60Hz * Tụ bù 30μf * Hộp đựng tăng phô	980,000 
---	--

ĐÈN XƯỜNG KIỂU HIBAY 250W DXH010 * Choá đèn xường kiểu HIBAY. (Kính chịu nhiệt) * Tăng phô 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 250W (ánh sáng trắng) * Kích đèn 220V-240V 50/60Hz * Tu bù 20μf	1,600,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG KIỂU HIBAY 400W DXH010 * Choá đèn xường kiểu HIBAY. (Kính chịu nhiệt) * Tăng phô 400W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 400W (ánh sáng trắng) * Kích đèn 220V-240V 50/60Hz * Tu bù 30μf	1,800,000 
---	---

ĐÈN XƯỜNG KIỂU BA NGẮN 250W DXN009 * Choá đèn xường kiểu ba ngắn (Kính chịu nhiệt) * Tăng phô 250W 220V/50/60Hz * Bóng đèn metal 250W (ánh sáng trắng) * Kích đèn 220V-240V 50/60Hz * Tụ bù 30μf * Hộp đựng tăng phô	1,360,000 
---	---